

hóu	hóu				hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu
猴	犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴
zǐ	zǐ				zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ
子	丿 了 子 子	子	子	子	子	子	子	子	子	子
xué	xué				xué	xué	xué	xué	xué	xué
学	丿 勹 勹 勹 勹 勹 勹 勹	学	学	学	学	学	学	学	学	学
qí	qí				qí	qí	qí	qí	qí	qí
棋	一 十 才 木 木 木 木 木	棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋
cōng	cōng				cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng
聪	一 冫 冫 冫 冫 耳 耳 耳	聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪

míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng
明	丨 冂 日 日 日 明	明	明	明	明	明	明	明
	明明明							
zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān
专	一 二 耂 专 专	专	专	专	专	专	专	专
xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn
心	丨 心 心 心 心	心	心	心	心	心	心	心
rì	rì	rì	rì	rì	rì	rì	rì	rì
日	丨 冂 日 日 日	日	日	日	日	日	日	日
jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiǔ
久	丿 夕 久 久	久	久	久	久	久	久	久

tiān	tiān				tiān	tiān	tiān	tiān	tiān
天	一	二	𠄎	天	天	天	天	天	
cháng	cháng				cháng	cháng	cháng	cháng	cháng
长	丿	一	𠄎	长	长	长	长	长	
gāo	gāo		gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	
高	一	一	一	高	高	高	高	高	
	高	高	高						
shǒu	shǒu				shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu
手	一	二	三	手	手	手	手	手	
zhǔ	zhǔ		zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	
主	一	二	三	主	主	主	主	主	
	主	主							

			8	.	hóu	zǐ	xué	qí			
			8	.	猴	子	学	棋			
	yǒu	zhī	fēi	cháng	cōng	míng	dí	hóu	zǐ	□	
	有	只	非	常	聪	明	的	猴	子	,	
	tiān	tiān	duǒ	zài	shù	xià	zhuān	xīn	kàn	rén	mén
	天	天	躲	在	树	下	专	心	看	人	们
	xià	qí	□	rì	jiǔ	tiān	cháng	□	hóu	zǐ	bù
	下	棋	。	日	久	天	长	,	猴	子	不
	dàn	xué	huì	liǎo	xià	qí	□	ér	qiě	bǎ	hěn
	但	学	会	了	下	棋	,	而	且	把	很

duō	gāo	shǒu	dū	dǎ	bài	liǎo	□			
多	高	手	都	打	败	了	。			
yī	tiān	□		qí	shǒu	yáng	jìng	xiǎng	chū	
一	天	,		棋	手	杨	靖	想	出	
liǎo	yī	gè	hǎo	zhǔ	yì	□	tā	zài	qí	pán
了	一	个	好	主	意	,	他	在	棋	盘
páng	biān	fàng	liǎo	yī	pán	shuǐ	mì	táo	□	xià
旁	边	放	了	一	盘	水	蜜	桃	。	下
qí	shí	hòu	hóu	zǐ	xīn	lǐ	xiǎng	zhuó	chī	táo
棋	时	候	猴	子	心	里	想	着	吃	桃

□	jié	guǒ	shū	liǎo	□					
,	结	果	输	了	。					
hóu	zǐ	xué	qí							
猴	子	学	棋							
cōng	míng									
聪	明									
zhuān	xīn									
专	心									
rì	jiǔ	tiān	cháng							
日	久	天	长							
gāo	shǒu									
高	手									
zhǔ	yì									
主	意									
shuǐ	mì	táo								
水	蜜	桃								

hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu	hóu
猴	了 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛 犛	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴	猴
zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ	zǐ
子	了 子 子	子	子	子	子	子	子	子	子
xué	xué	xué	xué	xué	xué	xué	xué	xué	xué
学	、 丩 丩 丩 丩 丩 丩 学 学 学	学	学	学	学	学	学	学	学
qí	qí	qí	qí	qí	qí	qí	qí	qí	qí
棋	一 十 才 木 木 木 木 木 棋 棋 棋 棋 棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋	棋
yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu	yǒu
有	一 大 才 有 有 有 有	有	有	有	有	有	有	有	有

zhī	zhī	zhī	zhī	zhī	zhī	zhī	zhī	zhī	zhī
只	只 只 只	只	只	只	只	只	只	只	只
fēi	fēi	fēi	fēi	fēi	fēi	fēi	fēi	fēi	fēi
非	非 非 非	非	非	非	非	非	非	非	非
cháng	cháng	cháng	cháng	cháng	cháng	cháng	cháng	cháng	cháng
常	常 常 常 常	常	常	常	常	常	常	常	常
cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng	cōng
聪	聪 聪 聪 聪 聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪	聪
míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng
明	明 明 明	明	明	明	明	明	明	明	明

dí	dí	dí	dí	dí	dí	dí	dí	dí
的	的 的 的 的	的	的	的	的	的	的	的
tiān	tiān	tiān	tiān	tiān	tiān	tiān	tiān	tiān
天	天 天 天	天	天	天	天	天	天	天
duǒ	duǒ	duǒ	duǒ	duǒ	duǒ	duǒ	duǒ	duǒ
躲	躲 躲 躲 躲 躲	躲	躲	躲	躲	躲	躲	躲
zài	zài	zài	zài	zài	zài	zài	zài	zài
在	在 在 在	在	在	在	在	在	在	在
shù	shù	shù	shù	shù	shù	shù	shù	shù
树	树 树 树 树	树	树	树	树	树	树	树

xià	xià	xià	xià	xià	xià	xià	xià	xià
下	一 下 下 下	下	下	下	下	下	下	下
zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān	zhuān
专	一 二 专 专 专	专	专	专	专	专	专	专
xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn	xīn
心	、 心 心 心 心	心	心	心	心	心	心	心
kàn	kàn	kàn	kàn	kàn	kàn	kàn	kàn	kàn
看	一 二 三 手 手 看 看看看看	看	看	看	看	看	看	看
rén	rén	rén	rén	rén	rén	rén	rén	rén
人	、 人 人	人	人	人	人	人	人	人

mén									
们	们	们	们	们	们	们	们	们	们
rì									
日	日	日	日	日	日	日	日	日	日
jiǔ									
久	久	久	久	久	久	久	久	久	久
cháng									
长	长	长	长	长	长	长	长	长	长
bù									
不	不	不	不	不	不	不	不	不	不

dàn	dàn	dàn	dàn	dàn	dàn	dàn	dàn	dàn	dàn
但	亻 亻 亻 亻 但 但 但 但	但	但	但	但	但	但	但	但
huì	huì	huì	huì	huì	huì	huì	huì	huì	huì
会	人 人 人 人 会 会 会	会	会	会	会	会	会	会	会
liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo	liǎo
了	㇇ 了 了	了	了	了	了	了	了	了	了
ér	ér	ér	ér	ér	ér	ér	ér	ér	ér
而	一 丿 丿 丿 而 而 而	而	而	而	而	而	而	而	而
qiě	qiě	qiě	qiě	qiě	qiě	qiě	qiě	qiě	qiě
且	丨 冂 冂 冂 且 且	且	且	且	且	且	且	且	且

bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ	bǎ
把	扌 扌 扌 扌 把 把 把 把	把	把	把	把	把	把	把	把
hěn	hěn	hěn	hěn	hěn	hěn	hěn	hěn	hěn	hěn
很	彳 彳 彳 彳 彳 彳 很 很 很 很 很 很	很	很	很	很	很	很	很	很
duō	duō	duō	duō	duō	duō	duō	duō	duō	duō
多	夕 夕 夕 夕 多 多 多 多	多	多	多	多	多	多	多	多
gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo	gāo
高	亠 亠 亠 亠 亠 亠 高 高 高 高 高 高	高	高	高	高	高	高	高	高
shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu	shǒu
手	一 二 三 手 手 手 手 手	手	手	手	手	手	手	手	手

dū	dū	dū	dū	dū	dū	dū	dū	dū	dū
都	一 十 土 耂 耂 耂 者 者 者 都 都	都	都	都	都	都	都	都	都
dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ	dǎ
打	一 扌 扌 扌 打 打	打	打	打	打	打	打	打	打
bài	bài	bài	bài	bài	bài	bài	bài	bài	bài
败	一 冫 贝 贝 贝 贝 败 败 败	败	败	败	败	败	败	败	败
yī	yī	yī	yī	yī	yī	yī	yī	yī	yī
一	一	一	一	一	一	一	一	一	一
yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng	yáng
杨	一 十 才 木 朽 朽 杨 杨	杨	杨	杨	杨	杨	杨	杨	杨

jìng	jìng				jìng	jìng	jìng	jìng	jìng	jìng
靖					靖	靖	靖	靖	靖	靖
xiǎng	xiǎng				xiǎng	xiǎng	xiǎng	xiǎng	xiǎng	xiǎng
想					想	想	想	想	想	想
chū	chū		chū	chū	chū	chū	chū	chū	chū	chū
出			出	出	出	出	出	出	出	出
gè	gè				gè	gè	gè	gè	gè	gè
个					个	个	个	个	个	个
hǎo	hǎo		hǎo	hǎo	hǎo	hǎo	hǎo	hǎo	hǎo	hǎo
好			好	好	好	好	好	好	好	好

zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ	zhǔ
主	主 主	主	主	主	主	主	主	主	主
yì	yì	yì	yì	yì	yì	yì	yì	yì	yì
意	意 音	意	意	意	意	意	意	意	意
tā	tā	tā	tā	tā	tā	tā	tā	tā	tā
他	他 他	他	他	他	他	他	他	他	他
pán	pán	pán	pán	pán	pán	pán	pán	pán	pán
盘	盘 舟	盘	盘	盘	盘	盘	盘	盘	盘
páng	páng	páng	páng	páng	páng	páng	páng	páng	páng
旁	旁 旁	旁	旁	旁	旁	旁	旁	旁	旁

biān	biān	biān	biān	biān	biān	biān	biān	biān	biān
边	丁 力 力 讠 边 边	边	边	边	边	边	边	边	边
fàng	fàng	fàng	fàng	fàng	fàng	fàng	fàng	fàng	fàng
放	宀 讠 方 方 方 放 放 放	放	放	放	放	放	放	放	放
shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ	shuǐ
水	冫 冫 水 水 水	水	水	水	水	水	水	水	水
mì	mì	mì	mì	mì	mì	mì	mì	mì	mì
蜜	宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀	蜜	蜜	蜜	蜜	蜜	蜜	蜜	蜜
táo	táo	táo	táo	táo	táo	táo	táo	táo	táo
桃	一 十 才 木 木 木 木 木 桃 桃 桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃

shí	shí	shí	shí	shí	shí	shí	shí	shí	shí
时	丨 日 日 日 时 时 时	时	时	时	时	时	时	时	时
hòu	hòu	hòu	hòu	hòu	hòu	hòu	hòu	hòu	hòu
候	ノ 亻 亻 亻 亻 亻 候 候 候 候	候	候	候	候	候	候	候	候
lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ	lǐ
里	丨 冂 冂 冂 甲 甲 里 里	里	里	里	里	里	里	里	里
zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó	zhuó
着	丶 丶 丶 丶 丶 着 着 着 着 着	着	着	着	着	着	着	着	着
chī	chī	chī	chī	chī	chī	chī	chī	chī	chī
吃	丨 口 口 口 口 吃 吃	吃	吃	吃	吃	吃	吃	吃	吃

jié	jié			jié						
结	纟 纟 纟 纟 纟 纟	结 结 结 结	结	结	结	结	结	结	结	结
guǒ	guǒ			guǒ						
果	丨 冫 冫 冫 旦 甲	果 果 果	果	果	果	果	果	果	果	果
shū	shū			shū						
输	一 土 车 车 车 车 车 车	输 输 输 输 输 输	输	输	输	输	输	输	输	输